

Số: **682** /BC-UBND

Bắc Kạn, ngày **20** tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Hướng dẫn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với những nội dung chủ yếu như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Khái quát chung về tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 được giao là 7.073,619 tỷ đồng. Trong đó:

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương (NSDP) 2.241,324 tỷ đồng (không bao gồm bội chi ngân sách địa phương), gồm:

- Vốn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 1.830,324 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 353 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 58 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách trung ương (NSTW): 4.778,295 tỷ đồng, gồm:

- Các chương trình mục tiêu: 1.179,103 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.545,154 tỷ đồng.

- Vốn bổ sung năm 2020¹: 54 tỷ đồng.

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 44,905 tỷ đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg: 32,200 tỷ đồng.

¹ Từ nguồn dự kiến bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia.

3. Nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đã bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

Số nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án được chốt tại thời điểm hết ngày 31/12/2014 theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 là 396.709 triệu đồng (bao gồm: Nguồn vốn Cân đối ngân sách 239.579 triệu đồng; nguồn vốn NSTW thực hiện các chương trình mục tiêu 143.177 triệu đồng; nguồn vốn Chương trình MTQG 13.953 triệu đồng).

Trong giai đoạn 2016-2019, tỉnh đã bố trí vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản nêu trên.

4. Số vốn ứng trước NSTW đã bố trí thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

Tổng số kế hoạch vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân của tỉnh là 429,581 tỷ đồng. Theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được ngân sách trung ương giao để hoàn ứng là 259,843 tỷ đồng (trong đó: Nguồn vốn Chương trình MTQG 36,138 tỷ đồng; nguồn vốn NSTW thực hiện các Chương trình mục tiêu 223,705 tỷ đồng). Tuy nhiên, số kế hoạch vốn NSTW thực tế được giao qua các năm là 194,877 tỷ đồng.

Số vốn ứng trước NSTW từ trước năm 2015 chưa hoàn trả, cần bố trí kế hoạch vốn trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi là: 234,704 tỷ đồng.

5. Công tác quản lý, điều hành, chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2016-2020

Công tác quản lý, điều hành các nguồn vốn đầu tư công của tỉnh cơ bản đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của trung ương về lập, thẩm định, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công hằng năm; huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn; tổ chức, điều phối; theo dõi, kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, do năng lực của cán bộ, công chức ở một số đơn vị chủ đầu tư còn hạn chế nên trong quá trình quản lý, điều hành chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra. Qua các đợt thanh tra, kiểm toán, giám sát về đầu tư xây dựng giai đoạn 2016 - 2020 đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế về công tác quản lý, điều hành của một số sở, ngành, đơn vị chủ đầu tư. Căn cứ kiến nghị của HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước, UBND tỉnh đã yêu cầu các sở, ngành, đơn vị chủ đầu tư này nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục các nội dung tồn tại, hạn chế đồng thời có báo cáo giải trình về kết quả xử lý gửi HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước theo quy định.

6. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020

Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu tiên thực hiện xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm theo quy định của Luật đầu tư công. Do đó, trong quá

trình thực hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế cần khắc phục trong giai đoạn tới. Cụ thể:

a) Do khó khăn về nguồn vốn đầu tư nên một số dự án trọng điểm của tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được triển khai như: Cải tạo nâng cấp hạ tầng giao thông khu du lịch Hồ Ba Bể; Dự án Bệnh viện Y học cổ truyền; Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Thanh Bình II; Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020...ảnh hưởng tới kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

b) Theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020: Đối với các dự án khởi công mới sử dụng nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu được NSTW hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư được duyệt. Tuy nhiên, một số dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn nhưng không được Trung ương bố trí đủ 100% tổng mức đầu tư, phần còn lại tỉnh phải bố trí nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương hoặc giãn, hoãn một số hạng mục để phù hợp với nguồn vốn được giao. Là một tỉnh khó khăn, nguồn ngân sách hạn hẹp chủ yếu do Trung ương cấp, nên việc bố trí vốn như trên ảnh hưởng đến việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tạo đột phá cho tỉnh.

c) Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại các Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, số kế hoạch vốn NSTW giao hàng năm chưa hợp lý, đặc biệt là nguồn vốn ODA (kế hoạch vốn ODA được giao năm 2020 bằng gần 50% số kế hoạch vốn được thông báo cả giai đoạn), gây chậm tiến độ thực hiện dự án các năm 2017-2019 và áp lực giải ngân lớn năm 2020.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Tại Báo cáo số 643/BC-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm 2016-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025 (UBND tỉnh đã có Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 06/11/2020 về ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025), mục tiêu tổng quát về kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 là: “Khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tập trung phát

triển, nâng cao giá trị kinh tế trong sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hoá. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nhất là chế biến sau thu hoạch. Xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông để phát triển du lịch và dịch vụ. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, chú trọng giảm nghèo nhanh và bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội”.

Trong giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm đạt 6,5 - 7,0%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 62 triệu đồng. Phấn đấu giai đoạn 2021-2025, tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2016-2020, trong đó tăng cường huy động nguồn vốn ngoài nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước. Vốn đầu tư công tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, thực hiện các dự án có tính kết nối vùng; tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các vùng miền núi, vùng khó khăn.

Thực hiện 04 chương trình trọng tâm, gồm:

- Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác cán bộ theo phương châm tận tâm với công việc, tâm huyết với quê hương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX).

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng liên kết sản xuất và nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho dân cư khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch và công nghiệp trở thành ngành mũi nhọn, trọng tâm là du lịch hồ Ba Bể. Hoàn thiện khu công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản và một số ngành có lợi thế của địa phương. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để phát triển nông, lâm nghiệp và du lịch.

2. Mục tiêu, định hướng cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực

a) Mục tiêu, định hướng chung

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong đó:

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho chính quyền các cấp.

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, các

quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, an sinh xã hội.

- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu,...

- Ưu tiên phân bổ vốn cho các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo thứ tự ưu tiên theo quy định.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Định hướng đầu tư các nguồn vốn

- Đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương: tập trung đầu tư các dự án quan trọng; các chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, liên địa phương, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, tạo sự lan tỏa, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; các dự án từ nhóm B trở lên theo quy định. Trong đó, tập trung đầu tư cho các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng phát triển du lịch, hạ tầng phát triển nông lâm nghiệp...

- Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương:

- + Dành tối đa không quá 30% để phân bổ cho UBND các huyện, thành phố điều hành.

- + Dành tối thiểu 70% vốn cân đối ngân sách địa phương để tỉnh điều hành, được phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể theo ngành, lĩnh vực. Tập trung đầu tư cho các dự án: dự án nhóm B (ngoài các dự án sử dụng vốn NSTW), đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA hoặc vốn NSTW, các dự án nhóm C trọng điểm. Trong đó, ưu tiên đầu tư các dự án quan trọng; dự án kết nối, có tác động liên địa phương, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, tạo sự lan tỏa, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, xây dựng nông thôn mới; các dự án để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025...

- Đối với nguồn vốn ODA:

Kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Trong điều kiện nguồn vốn ODA giảm, với mức ưu đãi thấp hơn trước, cần phải rà soát chặt chẽ, thận trọng kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các nguyên tắc sau:

+ Các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo thứ tự ưu tiên: Dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2021 không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án chuyển tiếp, dự án mới đã ký Hiệp định và có khả năng giải ngân.

+ Bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án.

- Đối với nguồn thu sử dụng đất:

+ Nguồn thu UBND các huyện, thành phố hưởng (90%): Bố trí để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới;

+ Sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, xây dựng nông thôn mới.

c) Định hướng đầu tư theo ngành/lĩnh vực

Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thành phố; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Việc phân bổ vốn cho các ngành, lĩnh vực được phân loại theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025. Trong đó, ưu tiên đầu tư cho các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo 04 chương trình trọng tâm, như: Giao thông, du lịch, nông nghiệp, hoàn thiện khu công nghiệp, hạ tầng để thu hút đầu tư...

Một số định hướng cụ thể như:

+ Giao thông: Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung hoàn thành đường Quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là khai thác du lịch Hồ Ba Bể. Ưu tiên dành nguồn lực đầu tư công phát triển hạ tầng giao thông (đường, bến xuồng) phục vụ du lịch. Thực hiện cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt cấp IV miền núi; xây dựng mới một số tuyến đường tỉnh có tính chất đột phá; đầu tư nâng cấp các tuyến đường huyện và xã theo quy hoạch.

+ Du lịch: Tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển du lịch Hồ Ba Bể gắn với các tour, tuyến liên kết với các điểm du lịch văn hóa - lịch sử khác trên địa bàn tỉnh. Đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các địa điểm tập trung dân cư và khách du lịch xung quanh Hồ Ba Bể.

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu thị trường. Đầu tư hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất, dự án bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phát triển vùng cây ăn quả...

+ Đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm phát triển công nghiệp địa phương với trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản và một số ngành có lợi thế của địa phương. Đầu tư hạ tầng (hạ tầng kỹ thuật, tạo mặt bằng...) để thu hút đầu tư.

+ Đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, như: Các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, hạ tầng vùng CT229, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống tội phạm, cơ sở vật chất phục vụ cơ quan quốc phòng, an ninh...

+ Đối với ngành giáo dục: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp để đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình, chỉ tiêu đề ra, đầu tư xây dựng trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên theo hướng kiên cố hóa...

+ Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các ngành, lĩnh vực để đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, như: Xây dựng nông thôn mới; y tế; khoa học công nghệ; các trạm truyền thanh cơ sở; hoàn thành xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh; đảm bảo điều kiện phục vụ quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước...

II. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VÀ CÂN ĐỐI CÁC NGUỒN VỐN

Thực hiện Luật Đầu tư công và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 380/BC-UBND ngày 04/7/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 16 của HĐND tỉnh (tháng 7/2020). Trên cơ sở ý kiến của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã hoàn thiện và có Báo cáo số 451/BC-UBND ngày 31/7/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2020. Theo đó, tổng nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 10.122.000 triệu đồng, trong đó: Ngân sách địa phương là 2.968.000 triệu đồng, ngân sách trung ương là 7.154.000 triệu đồng.

Đến nay, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa thông báo chính thức số dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh.

Theo Văn bản số 869/BKHĐT-TH ngày 07/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Văn bản phối hợp rà soát, báo cáo nội bộ của các Vụ, Cục thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư):

1. Dự kiến kế hoạch vốn NSDP: 2.844.000 triệu đồng. Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.256.000 triệu đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 505.000 triệu đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu xổ kiến thiết: 83.000 triệu đồng.

2. Dự kiến kế hoạch vốn NSTW trong nước: 3.649.667 triệu đồng²;

3. Dự kiến kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững (Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể): 1.000 tỷ đồng³.

Như vậy, tổng nguồn vốn đầu tư công dự kiến tại thời điểm hiện tại là 7.493.667 triệu đồng (chưa bao gồm vốn nước ngoài và vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia).

III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo:

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tổng dự kiến nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để xây dựng phương án phân bổ là 7.493.667 triệu đồng. Gồm:

- Vốn NSDP: 2.844.000 triệu đồng;
- Vốn NSTW trong nước: 3.649.667 triệu đồng;

² Vốn nước ngoài: Chưa có số dự kiến;

³ Năm 2021, dự án đã được thông báo 300.000 triệu đồng từ nguồn vốn này.

- Vốn NSTW trong nước hỗ trợ đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững: 1.000.000 triệu đồng.

1. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 505.000 triệu đồng. Nguồn thu các huyện, thành phố điều hành (90%): 454.500 triệu đồng. Số còn lại (10%) do tỉnh quản lý để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 83.000 triệu đồng. Tập trung đầu tư cho các công trình thuộc các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

c) Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.256.000 triệu đồng (chưa bao gồm bội chi ngân sách địa phương, nguồn vay lại của Chính phủ). Phân bổ như sau:

- Phân bổ cho các huyện, thành phố (dự kiến 30%): 676.800 triệu đồng.
- Phần vốn tỉnh điều hành (dự kiến 70%): 1.579.200 triệu đồng, dự kiến phân bổ theo thứ tự ưu tiên:
 - + Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh: 81.485 triệu đồng;
 - + Dự kiến trả nợ gốc đúng hạn và trước hạn khoản vay lại vốn vay ODA: 90.000 triệu đồng;
 - + Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 289.669 triệu đồng. Trong đó:
 - Các dự án ODA đang triển khai: 134.303 triệu đồng;*
 - Các dự án ODA đề xuất mới: 155.366 triệu đồng.*
 - + Dự kiến bố trí cho các dự án khởi công mới: 1.118.046 triệu đồng. Trong đó:
 - Các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc đang thực hiện các thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư: 487.162 triệu đồng.*
 - Số kế hoạch vốn còn lại: 630.884 triệu đồng, dự kiến phân bổ:*
 - *Dự phòng đối ứng Chương trình MTQG: 200.000 triệu đồng.*
 - *Các dự án khởi công mới: 430.884 triệu đồng.*

2. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương

a) Bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước trước năm 2015 chưa hoàn trả: 234.704 triệu đồng;

b) Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020: 17.146 triệu đồng;

c) Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 393.603 triệu đồng. Trong đó:

- Các dự án ODA đang triển khai: 229.768 triệu đồng;
- Các dự án ODA đề xuất mới: 163.835 triệu đồng.

2.4. Số kế hoạch vốn còn lại dự kiến cho các dự án khởi công mới: 4.004.214 triệu đồng. Trong đó:

- Các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc đang thực hiện các thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư: 2.958.100 triệu đồng;

- Số kế hoạch vốn còn lại: 1.046.114 triệu đồng.

(có các biểu chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06 kèm theo)

3. Phương án sử dụng số kế hoạch vốn dành cho các án khởi công mới

Theo số liệu tổng hợp từ đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổng nhu cầu vốn cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 là rất lớn, khoảng hơn 7.600 tỷ đồng *(có biểu chi tiết số 07 kèm theo)*. Trong khi đó, nguồn lực đầu tư có hạn, số kế hoạch vốn còn lại dự kiến có thể bố trí cho các dự án khởi công mới là khoảng 1.900 tỷ đồng, chỉ đáp ứng khoảng $\frac{1}{4}$ số nhu cầu vốn nêu trên.

Sau khi trung ương thông báo chính thức dự kiến số kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh, căn cứ định hướng đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, địa phương rà soát, lựa chọn danh mục, triển khai thực hiện thủ tục đầu tư các dự án đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển của tỉnh, phù hợp với khả năng cân đối vốn.

4. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

Chưa có số kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và chưa có hướng dẫn của trung ương nên chưa xây dựng phương án phân bổ.

5. Các dự án ODA mới đang trong quá trình hoàn thiện đề xuất dự án

Hiện nay có 08 dự án đang trong quá trình hoàn thiện đề xuất dự án, nhu cầu sử dụng vốn ODA đăng ký trong giai đoạn 2021-2025 là 1.670 tỷ đồng.

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nêu trên đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn NSNN theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong giai đoạn 2021-2025 sẽ bố trí vốn để thu hồi hết các khoản ứng trước chưa thu hồi. Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang thực hiện giai đoạn 2021-2025 được ưu tiên bố trí kế hoạch vốn phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn, đảm bảo bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ.

- Việc phân bổ vốn đầu tư bám sát mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo

đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế và xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, an sinh xã hội.

- Tập trung nguồn lực cho các dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thành phố.

Với phương án phân bổ như trên, dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sẽ được triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng và đảm bảo khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao trong thời hạn quy định.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ vốn đầu tư công.

2. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công năm 2019 và các Nghị định hướng dẫn Luật. Trong đó:

- Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chú trọng việc lập báo cáo đề xuất và phê duyệt chủ trương đầu tư. Tăng cường các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chủ trương đầu tư các dự án, tránh tình trạng chuẩn bị sơ sài gây lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đẩy nhanh tiến giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án đã đủ thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện. Đồng thời, yêu cầu các chủ đầu tư cam kết kế hoạch giải ngân vốn để theo dõi, giám sát. Quản lý hiệu quả việc bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm. Giám sát, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đối với từng dự án

- Tăng cường công tác rà soát để bảo đảm các dự án được bố trí vốn trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm phải có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo các dự án được thực hiện đúng với kế hoạch đã đề ra, kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án.

3. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các chủ đầu tư trong xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Chú trọng công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ và đột xuất theo chế độ báo cáo quy định. Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân kế hoạch vốn. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công, thực hiện dự án. Kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm để thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư.

4. Các cơ quan, địa phương, chủ đầu tư thực hiện phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện dự án, lập kế hoạch giải ngân của từng dự án, đơn đốc kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án.

5. Huy động tối đa, lồng ghép các nguồn lực đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Mở rộng các hình thức đầu tư, tiếp tục rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, thu hút các nhà đầu tư trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa đầu tư, trước hết là các dự án đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

6. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu, nhất là các nhà thầu tư vấn có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

7. Tổ chức thực hiện tốt Luật Quy hoạch và các Nghị định hướng dẫn, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển đô thị, ... làm căn cứ xây dựng các chương trình và kế hoạch đầu tư trung hạn và dài hạn.

8. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường công tác giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện đầu tư công; chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Trong đó, đề cao vai trò tham gia giám sát của cộng đồng dân cư trong các vùng ảnh hưởng của dự án, nâng cao trách nhiệm giải trình của các chủ đầu tư và các bên liên quan dự án. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư đối với hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

9. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phát huy vai trò giám sát, phản biện trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đầu tư công.

Trên đây là báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy + điện tử:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- QCT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở: KH&ĐT, TC;
- LĐVP (đ/c Nguyễn);
- Phòng: TH, GTXDCN, NNTN&MT, VXNV;
- Lưu: VT, Khởi, V.Hà./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**


Đỗ Thị Minh Hoa

Biểu số 02

DANH MỤC DỰ ÁN CẢN BÓ TRÍ VỐN ĐỀ THU HỒI CÁC KHOẢN VỐN ỨNG TRƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 632/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định cho phép ứng trước	Tổng số vốn ứng trước	Số vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được thông báo	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được giao (số thực tế được giao)	Số vốn NSTW bố trí thiếu so với kế hoạch đầu tư trung hạn để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Số vốn NSTW cản bố trí trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân	Ghi chú
	TỔNG SỐ		489.662	429.581	259.843	194.877	64.966	234.704	
I	CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NHƯNG CHƯA HOÀN TRẢ HẾT		390.662	349.554	259.843	194.877	64.966	154.677	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 3 đoạn 10Km qua Thị xã Bắc Kạn	3116/QĐ-TTg ngày 15/5/2009	11.000	1.408	1.408	1.408			
2	Đầu tư chương trình 61 huyện nghèo	20/TB-VPCP ngày 17/01/2006 và 6477/BTC-NSNN ngày 6/5/2009	50.000	35.513	35.513	35.513			
3	Bổ sung vốn cho các xã khu vực II của các huyện Nghèo thuộc Nghị Quyết 30A/2008/NQ-CP	939/QĐ-TTG ngày 1/7/2009	900	625	625	625			
4	Dự án Vườn QG Ba Bể	939/QĐ-TTG ngày 1/7/2009	10.000	4.616	4.616	4.616			
5	Dự án đầu tư xây dựng vùng nguy cơ sạt lở cao, thị trấn Chợ Rã huyện Ba bể	939/QĐ-TTg ngày 01/7/2009	15.000	10.400	10.400	10.400			
6	KCN Thanh Bình	4295/VPCP-KTTH ngày 22/6/2010 và 9079/BTC-ĐT ngày 12/7/2010	46.000	44.000	44.000	29.034	14.966	14.966	
7	Ứng trước vốn đối ứng các dự án ODA hoàn thành năm 2010	1897/QĐ-TTg ngày 15/10/2010; 15081/BTC ngày 08/11/2010	15.000	15.000	15.000	15.000			
8	Ứng trước các dự án ODA năm 2012	1219/QĐ-TTg ngày 6/9/2012	95.110	95.110	30.229	30.229		64.881	

TT	Danh mục dự án	Quyết định cho phép ứng trước	Tổng số vốn ứng trước	Số vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được thông báo	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được giao (số thực tế được giao)	Số vốn NSTW bố trí thiếu so với kế hoạch đầu tư trung hạn để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Số vốn NSTW cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân	Ghi chú
9	Đường từ ngã ba Tinh úy đến đường Nguyễn Văn Tố và HTKT- nhà công vụ Tinh úy	2064/TTg-KTTH ngày 6/12/2012	50.000	50.000	50.000	0	50.000	50.000	
10	DA cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT 258B	2064/TTg-KTTH ngày 6/12/2012	50.000	50.000	25.170	25.170		24.830	
11	Bệnh viện đa khoa và Trung tâm đào tạo y tế tỉnh Bắc Kạn	1439/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 12617/BTC-ĐT ngày 20/9/2013	12.652	12.652	12.652	12.652			
12	DA phát triển du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng gđ1	1439/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 12617/BTC-ĐT ngày 20/9/2013	1.000	1.000	1.000	1.000			
13	Quan hệ đối tác vì người nghèo trong phát triển nông lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn (3PAD)	1439/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 12617/BTC-ĐT ngày 20/9/2013	6.000	6.000	6.000	6.000			
14	Mở rộng nâng cấp Đường tỉnh lộ 254 (Xây dựng Cầu Bản Đięng Km 5+526,76 và Cầu Nà Đầy Km 11+385,05)	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	3.000	3.000	3.000	3.000			
15	Kè chắn sạt lở đất khu dân cư thôn Hát Deng, trường PTDT nội trú và trường TH thị trấn Yên Lạc	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	5.000	5.000	5.000	5.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định cho phép ứng trước	Tổng số vốn ứng trước	Số vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được thông báo	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được giao (số thực tế được giao)	Số vốn NSTW bố trí thiếu so với kế hoạch đầu tư trung hạn để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Số vốn NSTW cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân	Ghi chú
16	Xây dựng khu TĐC để GPMB QL279 địa phận thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	5.000	5.000	5.000	5.000			
17	Đường cứu hộ cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét, huyện Pác Nặm (đoạn tuyến Km 0+00 - Km 5+00)	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	10.000	10.000	10.000	10.000			
18	Kè chống sạt lở bờ tả sông Năng đoạn qua tiểu thủ 8 và 9 thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	5.000	230	230	230			

Biểu số 03

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CỦA CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Báo cáo số **682**/BC-UBND ngày **20** tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư được TTg giao KH			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Số vốn NSTW chưa bố trí so với TMDT	Tiết kiệm 10% theo NQ 89 của Chính phủ	Số vốn NSTW cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: vốn NSTW							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số	Trong đó:						
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW						Thanh toán nợ XDCB ⁽⁹⁾
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		272.218	272.218	0	0	227.850	227.850	0	0	44.368	27.222	17.146			
I	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các vùng:		85.930	85.930	0	0	60.191	60.191	0	0	25.739	8.593	17.146			
1	Đầu tư hạ tầng khu dân cư các thôn đồng bào Mông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (4 xã)	413/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	85.930	85.930			60.191	60.191			25.739	8.593	17.146	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh		
II	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm		186.288	186.288	0	0	167.659	167.659	0	0	18.629	18.629	0			
1	Xây dựng đường giao thông đến các xã CT229 huyện Na Rì, Bạch Thông	418/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	106.288	106.288	0	0	95.659	95.659			10.629	10.629	0	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh		
2	Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi các xã CT229 huyện Chợ Đồn (trong đó, hệ thống giao thông kết nối với các xã CT229 tỉnh Tuyên Quang)	416/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	80.000	80.000	0	0	72.000	72.000			8.000	8.000	0	UBND huyện Chợ Đồn		

Biểu số 04

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CỦA CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Báo cáo số ~~682~~/BC-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (đủ 100% TMĐT)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CNS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12
	TỔNG SỐ		1.039.798	320.269	225.820	94.429	10.539	81.485		
1	Quốc phòng		9.850	8.316	8.075	242	175	242		
(1)	Khu sơ tán của huyện Ngân Sơn, hạng mục Hầm họp Ban Chấp hành và Nhà Sa bàn	63/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	5.034	3.500	3.325	175	175	175	UBND huyện Ngân Sơn	
(2)	Doanh trại Trường Quân sự địa phương tỉnh Bắc Kạn	QĐ 206/QĐ-STC ngày 26/10/2020 (phê duyệt quyết toán)	4.816	4.816	4.750	67		67		
2	Giáo dục, đào tạo		20.788	9.159	8.550	609	458	609		
(1)	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Địa Linh đạt chuẩn, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	1851/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Ba Bể	7.000	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Ba Bể	
(2)	Nâng cấp trường tiểu học Nông Thịnh để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ I	2371/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7.189	2.000	1.900	100	100	100	UBND huyện Chợ Mới	
(3)	Xây dựng trường mầm non Nông Thịnh đạt chuẩn Quốc gia	2338a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.599	2.159	1.900	259	108	259	UBND huyện Chợ Mới	
3	Y tế, dân số và gia đình		12.495	12.495	10.182	2.314	625	2.314		
(20)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm	2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.554	3.554	2.846	709	178	709	Sở Y tế	
(21)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn	2118/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.272	3.272	2.641	632	164	632	Sở Y tế	
(22)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ba Bể	2117/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.800	1.800	1.591	209	90	209	Sở Y tế	
(23)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	2121/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.999	1.999	1.600	399	100	399	Sở Y tế	
(24)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn	2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.870	1.870	1.504	366	93	366	Sở Y tế	
4	Văn hóa, thông tin		2.009	2.009	1.040	969	99	969		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (đủ 100% TMĐT)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12
(1)	Sửa chữa nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn	2116/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1860/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	2.009	2.009	1.040	969	99	969	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Điều chỉnh TMĐT
5	Phát thanh, truyền hình		4.998	4.998	4.750	248	250	248		
(1)	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Đài truyền thanh cơ sở để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI về chỉ tiêu: "đến năm 2020, 100% các xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt".	1394/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	4.998	4.998	4.750	248	250	248	Sở Thông tin và Truyền thông	
6	Bảo vệ môi trường		2.500	2.500	2.375	125	125	125		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
(1)	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ số liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	1457/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh	2.500	2.500	2.375	125	125	125	Sở Tài nguyên và Môi trường	
7	Nông nghiệp, lâm nghiệp		59.100	17.500	6.000	11.500	600	11.500		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
(1)	Kè chống xói lở bờ hữu sông Cầu đoạn qua tổ Bản Vèn, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn	2109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	25.700	12.000	6.000	6.000	600	6.000	UBND thành phố Bắc Kạn	
(2)	Kè bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, công trình quốc phòng và hạ tầng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	38.500	3.500		3.500		3.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
(3)	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Nà Hoan, xã Tân Tú, huyện Bạch Thông	1258/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	9.900	900		900		900	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
(4)	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Nà Pò, xã Quán Hà, huyện Bạch Thông	1256/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	12.100	1.100		1.100		1.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8.	Giao thông		437.261	52.724	39.902	12.822	987	9.357		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
(1)	Đường vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	2036/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	6.058	6.058	2.245	3.813	303	3.813	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (đủ 100% TMĐT)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CNS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12
(2)	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường từ ĐT 254 đến thôn Vằng Doọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2051/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.000	3.000	2.400	600	84	600	UBND huyện Chợ Đồn	
(3)	Đường Vũ Loan - Văn Học, huyện Na Rì	2104/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.000	12.000	8.500	3.500	600	3.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
(4)	Nâng cấp, cải tạo ĐT255, huyện Chợ Đồn	1231/QĐ-UBND ngày 11/7/2011; 363/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	416.203	31.666	26.757	4.909		1.444	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	Dự án đã quyết toán nhưng chưa giải ngân được do vướng mắc với các nhà thầu
9	Khu công nghiệp		4.113	4.113	2.261	1.852	206	1.852		
(1)	Xử lý kỹ thuật mái taluy dương và hệ thống thoát nước phía Đông Khu công nghiệp Thạnh Bình	1385/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn	4.113	4.113	2.261	1.852	206	1.852	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
10	Cấp nước, thoát nước		256.419	31.135	18.856	12.279	1.557	2.800		
(1)	Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn (hợp phần thoát nước)	Số:1550/QĐ-UBND ngày 25/6/2009; Số:1513/QĐ-UBND ngày 22.9.2016	256.419	31.135	18.856	12.279	1.557	2.800	Sở Xây dựng	
11	Công nghệ thông tin		2.000	2.000	1.900	79	-	79		
(1)	Nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn	1401/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	2.000	2.000	1.900	79		79	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn	QT
12	Quy hoạch		43.056	43.056	10.000	33.056	0	33.056		
(1)	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		43.056	43.056	10.000	33.056		33.056	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
13	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		185.208	130.264	111.929	18.335	5.458	18.335		
(1)	Dự án chuyển tiếp									
(1)	Trụ sở UBND xã Đông Phúc, huyện Ba Bể	QĐ số 1191/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	8.268	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Ba Bể	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (đủ 100% TMĐT)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12
(2)	Trụ sở UBND xã Chu Hương, huyện Ba Bể	1852/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Ba Bể	7.097	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Ba Bể	
(3)	Trụ sở UBND xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	4150a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Ba Bể	7.050	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Ba Bể	
(4)	Trụ sở UBND xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	2195/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Đồn	5.566	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Chợ Đồn	
(5)	Trụ sở UBND xã Dương Sơn, huyện Na Rì	2106/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Na Rì	6.850	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Na Rì	
(6)	Trụ sở UBND xã Lạng Sơn, huyện Na Rì	2106/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Na Rì	6.850	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Na Rì	
(7)	Trụ sở UBND xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	1662/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	7.188	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Ngân Sơn	
(8)	Trụ sở UBND xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	1663/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	6.667	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Ngân Sơn	
(9)	Trụ sở UBND xã Bình Văn, huyện Chợ Mới	1649/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	7.150	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Chợ Mới	
(10)	Trụ sở UBND xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	1650/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	6.988	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Chợ Mới	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (đủ 100% TMĐT)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12
(11)	Trụ sở UBND xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	1651/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	8.000	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Chợ Mới	
(12)	Trụ sở UBND xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	1479/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.200	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Bạch Thông	
(13)	Trụ sở UBND xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	1478/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Bạch Thông	
(14)	Trụ sở UBND xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	1477/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000	4.750	250	250	250	UBND huyện Bạch Thông	
(15)	Trụ sở UBND xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	1652/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.566	2.095	1.990	105	105	105	UBND huyện Chợ Mới	
(16)	Trụ sở UBND xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	1653/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.400	2.000	1.900	100	100	100	UBND huyện Chợ Mới	
(17)	Trụ sở Tỉnh ủy và trụ sở các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy	2046/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1450/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	18.245	18.245	11.894	6.351	912	6.351	VP Tỉnh ủy	Điều chỉnh TMĐT
(18)	Nhà khách tỉnh Bắc Kạn (khu B)	2032/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1162/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	2.738	2.738	2.464	274	137	274	VP UBND-HỖND-ĐBBQH tỉnh	Điều chỉnh TMĐT
(19)	Hội trường tỉnh Bắc Kạn	số 277/QĐ-UBND ngày 22/02/2018	46.111	21.111	19.918	1.193		1.193	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (đủ 100% TMĐT)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12
(20)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan Chi cục Thú y - Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật - Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Trung tâm khuyến nông	2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.163	3.163	2.530	633	158	633	Sở NN&PTNT	
(21)	Trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	2112/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.710	1.710	1.368	342	86	342	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
(22)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Kế hoạch & Đầu tư	2114/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.530	1.530	1.224	306	77	306	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
(23)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin & Truyền thông	2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1786/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2.672	2.672	2.141	531	134	531	Sở Thông tin và Truyền thông	
(24)	Hỗ trợ UBND huyện Ngân Sơn để xây dựng Trụ sở UBND xã Lăng Ngâm	2256/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	7.200	5.000		5.000	250	5.000	UBND huyện Ngân Sơn	

Biểu số 06

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐÃ LẬP, PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 682 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-			Vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
	TỔNG SỐ	3.499.209	3.007.100	492.036	53.874	49.000	4.874	3.445.262	2.958.100	487.162	
	Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư	3.075.309	2.745.100	330.136	53.874	49.000	4.874	3.021.362	2.696.100	325.262	
1	Xây dựng tuyến đường Thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể	2.337.809	2.100.000	237.809	53.874	49.000	4.874	2.283.935	2.051.000	232.935	Dự kiến được bố trí từ nguồn vốn hỗ trợ của TW (ngoài số phân bổ cho tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí): 1.000 tỷ
2	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể	145.000	125.000	20.000	-	-	-	145.000	125.000	20.000	
3	Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể	439.000	395.100	43.900	-	-	-	439.000	395.100	43.900	
4	Xây dựng cải tạo tuyến đường vào các xã CT229 huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	125.000	125.000	-	-	-	-	125.000	125.000	-	
5	Xây dựng cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	28.500	-	28.427	-	-	-	28.427	-	28.427	
	Dự án đang lập, thẩm định chủ trương đầu tư	423.900	262.000	161.900	-	-	-	423.900	262.000	161.900	
1	Dự án đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn 2021-2025	200.000	200.000	-	-	-	-	200.000	200.000	-	
2	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh	49.500	-	49.500	-	-	-	49.500	-	49.500	
3	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	37.000	-	37.000	-	-	-	37.000	-	37.000	
4	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở Thư viện tỉnh thành trụ sở Bảo tàng tỉnh	9.000	-	9.000	-	-	-	9.000	-	9.000	
5	Đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	66.400	-	66.400	-	-	-	66.400	-	66.400	
6	Dự án: Triển khai xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	62.000	62.000	-	-	-	-	62.000	62.000	-	

DANH MỤC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
				Nguồn vốn CĐNS	Nguồn vốn NSTW	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	7.614.206	7.450.206	3.267.146	4.183.060	
I	QUỐC PHÒNG	239.500	239.500	104.500	135.000	
1	Sân nền sân bay Quân Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	135.000	135.000	-	135.000	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án xây dựng căn cứ hậu phương (Khu Quân sự) của tỉnh phục vụ diễn tập KVPT tỉnh	30.000	30.000	30.000	-	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
3	Cải tạo, sửa chữa cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	10.000	10.000	10.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
4	Cải tạo, sửa chữa bệnh xá Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	5.000	5.000	5.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
5	Cải tạo, sửa chữa nhà ở bộ đội Doanh trại Đại đội Kho vũ khí đạn C29/Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	3.000	3.000	3.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
6	Dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện (Khu A) của Bộ CHQS tỉnh/QK1	7.000	7.000	7.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
7	Đường hầm chi huy ĐHCH	40.000	40.000	40.000	-	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
8	Đường hầm thoát hiểm trong khu căn cứ chiến đấu	9.500	9.500	9.500		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
9	Xây dựng các công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Bạch Thông	18.522	18.522	18.522		UBND huyện Bạch thông
II	AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN, XÃ HỘI	68.961	68.961	68.961	-	
1	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng công nghệ cao và an ninh mạng	14.500	14.500	14.500		Công an tỉnh
2	Trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
3	Trụ sở làm việc Công an xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
4	Trụ sở làm việc công an phường Xuất Hóa	7.500	7.500	7.500		Công an tỉnh
5	Trụ sở làm việc công an phường Huyền Tụng	7.500	7.500	7.500		Công an tỉnh
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	4.461	4.461	4.461		Công an tỉnh
7	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
8	Trụ sở làm việc Công an xã Côn Minh, huyện Na Rì	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMDT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
				Nguồn vốn CĐNS	Nguồn vốn NSTW	
1	2	3	4	5	6	7
9	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
10	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Yên Lạc, huyện Na Ri	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
11	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
12	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
13	Trụ sở làm việc Công an xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
14	Trụ sở làm việc Công an xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn	3.500	3.500	3.500		Công an tỉnh
III	GIAO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	447.664	447.664	447.664	-	
1	Dự án Trường THPT Na Ri	14.000	14.000	14.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Dự án Trường THPT Nà Phặc	12.000	12.000	12.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Dự án Trường THPT Bộc Bó	5.000	5.000	5.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Dự án THPT Phú Thông	3.000	3.000	3.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Dự án Trường THPT Bắc Kạn	6.000	6.000	6.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Dự án Trường PTDTNT- THCS Chợ Đồn	5.000	5.000	5.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Dự án Trường PTDTNT- THCS Na Ri	12.000	12.000	12.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Dự án Trường THPT Quảng Khê	5.000	5.000	5.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Dự án Trường THPT Yên Hân	8.000	8.000	8.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Dự án Trường PTDTNT Bắc Kạn	20.000	20.000	20.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Dự án Trường PTDTNT _ THCS Ba Bè	15.000	15.000	15.000		Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
1	2	3	4	5	6	7
				Nguồn vốn CBNS	Nguồn vốn NSTW	
12	Dự án Trường THPT Chợ Đồn	5.000	5.000	5.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Dự án Trường THPT Bình Trung	8.000	8.000	8.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Dự án Trung tâm GDTX + GDHN	5.000	5.000	5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
15	Dự án trường THPT chuyên Bắc Kạn	2.000	2.000	2.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
16	Dự án Trường PTDTNT - THCS Ngân Sơn	5.000	5.000	5.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
17	Dự án Trường PTDTNT - THCS Pác Nặm	3.000	3.000	3.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
18	Dự án Trường THPT Chợ Mới	3.000	3.000	3.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
19	Dự án Trường THPT Ba Bể	3.000	3.000	3.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Dự án Trường THPT Ngân Sơn	3.000	3.000	3.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
21	Dự án Trường PTDTNT- THCS Chợ Mới	2.500	2.500	2.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
22	Trường Mầm Non Dương Quang	21.461	21.461	21.461		UBND thành phố Bắc Kạn
23	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Xuất Hóa (Giai đoạn II) đạt chuẩn Quốc gia	22.796	22.796	22.796		UBND thành phố Bắc Kạn
24	Trường Mầm non Đức Xuân	22.796	22.796	22.796		UBND thành phố Bắc Kạn
25	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Nông Thượng	19.442	19.442	19.442		UBND thành phố Bắc Kạn
26	Trường Mầm non Sông Cầu (điểm trường tại tổ 13, khu dân cư Thôm Dầy)	16.089	16.089	16.089		UBND thành phố Bắc Kạn
27	Xây dựng nhà lớp học trường TH và THCS Lương Thành	8.200	8.200	8.200		UBND huyện Na Rì
28	Nhà bán trú trường Phổ thông dân tộc Bán trú THCS Văn Vũ và các hạng mục phụ trợ.	4.500	4.500	4.500		UBND huyện Na Rì
29	Xây dựng trường Tiểu học Thanh Vân đạt chuẩn Quốc gia	3.680	3.680	3.680		UBND huyện Chợ Mới
30	Xây dựng trường Mầm non Nông Hạ đạt chuẩn Quốc gia	7.150	7.150	7.150		UBND huyện Chợ Mới

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMDT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
		Nguồn vốn CĐNS		Nguồn vốn NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
31	Xây dựng phòng học bộ môn, khối phòng hành chính quản trị, nhà đa năng và các công trình phụ trợ trường THCS Chợ Mới	11.670	11.670	11.670		UBND huyện Chợ Mới
32	Xây dựng trường THCS Cao Kỳ đạt chuẩn quốc gia	3.680	3.680	3.680		UBND huyện Chợ Mới
33	Xây dựng trường Mầm non Cao Kỳ đạt Chuẩn Quốc gia	3.680	3.680	3.680		UBND huyện Chợ Mới
34	Xây dựng trường Mầm non Quảng Chu đạt chuẩn Quốc gia	3.050	3.050	3.050		UBND huyện Chợ Mới
35	Xây dựng phòng học bộ môn, khối phòng hành chính quản trị, nhà đa năng trường THCS Quảng Chu	7.280	7.280	7.280		UBND huyện Chợ Mới
36	Xây dựng trường Tiểu học Hòa Mục	3.660	3.660	3.660		UBND huyện Chợ Mới
37	Xây dựng trường Tiểu học Hòa Mục	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Bạch Thông
38	Nhà lớp học Trường Mầm non Nguyễn Phúc, huyện Bạch Thông	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Bạch Thông
39	Nhà lớp học Trường Mầm non Sỹ Bình, huyện Bạch Thông	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Bạch Thông
40	Tiểu học Xuân Lạc (hạng mục Phòng học tin học, các thiết bị tiếng Anh, máy tính, nhà bếp, nhà bán trú)	8.868	8.868	8.868		UBND huyện Chợ Đồn
41	Trường Tiểu học Bản Thi (Hạng mục: Xây mới phòng học tin học + Thiết bị tiếng Anh, máy tính, nhà bếp, nhà bán trú)	2.956	2.956	2.956		UBND huyện Chợ Đồn
42	Mua thiết bị dùng chung nhà trường và thiết bị các lớp 4, lớp 8	5.428	5.428	5.428		UBND huyện Chợ Đồn
43	Mua thiết bị dùng chung nhà trường và thiết bị các lớp 5, lớp 9	5.428	5.428	5.428		UBND huyện Chợ Đồn
44	Trường TH&THCS Bằng Phúc (Hạng mục: Xây mới nhà bếp và các thiết bị dạy học)	2.320	2.320	2.320		UBND huyện Chợ Đồn
45	Trường Tiểu học Bình Trung (Hạng mục: Xây mới phòng học tin học, + thiết bị tiếng Anh, máy tính, nhà bán trú)	2.756	2.756	2.756		UBND huyện Chợ Đồn
46	Trường Tiểu học Tân Lập (Hạng mục: Xây mới phòng học tin học + Thiết bị tiếng Anh, máy tính, nhà bếp, nhà bán trú)	2.956	2.956	2.956		UBND huyện Chợ Đồn
47	Tiểu học Xuân Lạc (hạng mục Phòng học tin học, các thiết bị tiếng Anh, máy tính, nhà bếp, nhà bán trú)	8.868	8.868	8.868		UBND huyện Chợ Đồn
48	Trường chuẩn TH&THCS Nhạn Môn	7.450	7.450	7.450		UBND huyện Pác Nặm
49	Trường chuẩn Tiểu học Cổ Linh	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Pác Nặm

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
			Nguồn vốn CĐNS	Nguồn vốn NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
50	Trường chuẩn Tiểu học Xuân La	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Pác Nặm
51	Trường chuẩn Tiểu học Bằng Thành I	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Pác Nặm
52	Xây dựng trường Mầm non Vân Tùng, huyện Ngân Sơn	20.000	20.000	20.000		UBND huyện Ngân Sơn
53	Dự án: Trường Tiểu học Thuần Mang	5.000	5.000	5.000		UBND huyện Ngân Sơn
54	Dự án: Trường Mầm non Thuần Mang	5.000	5.000	5.000		UBND huyện Ngân Sơn
55	Sửa chữa, cải tạo các tòa nhà chức năng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn - cơ sở 2	15.000	15.000	15.000		Trường Cao đẳng Bắc Kạn
IV	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ	50.425	50.425	50.425		
1	Đầu tư trang thiết bị Đo lường thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gđ2 (2020-2022)	10.000	10.000	10.000		Sở Khoa học và Công nghệ
2	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng của Trung tâm UD TB KH-CN và TĐC (2021-2025)	5.625	5.625	5.625		Sở Khoa học và Công nghệ
3	Sửa chữa nâng cấp trụ sở, đầu tư cơ sở vật chất cho Sở Khoa học và Công nghệ (2021-2022)	5.000	5.000	5.000		Sở Khoa học và Công nghệ
4	Đầu tư tăng cường tiềm lực phục vụ công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng giai đoạn 2021-2025	20.000	20.000	20.000		Sở Khoa học và Công nghệ
5	Đầu tư thiết bị kiểm định đo lường của Trung tâm UDKH-CN và TĐC (2022-2025)	8.810	8.810	8.810		Sở Khoa học và Công nghệ
6	Đầu tư nâng cấp thiết bị ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc Trung tâm UDKH-CN và TĐC (2021-2022)	990	990	990		Sở Khoa học và Công nghệ
V	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	405.000	405.000	5.000	400.000	
1	Hoàn thiện CSVC Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn (dự án Bệnh viện đa khoa)	400.000	400.000		400.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án: Trạm y tế xã Đức Vân	5.000	5.000	5.000		UBND huyện Ngân Sơn
VI	VĂN HÓA, THÔNG TIN	135.000	135.000	90.000	45.000	
	Văn hóa					
1	Dự án: Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn	9.000	9.000	9.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
2	Dự án: Lắp dựng Tượng đài chiến thắng Bắc Kạn (phần còn lại của dự án Tượng đài chiến thắng tỉnh đang xếp trong khuôn viên Nhà Văn hóa tỉnh)	30.000	30.000	30.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
3	Dự án: Trụ sở Thư viện tỉnh Bắc Kạn	15.000	15.000	15.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
4	Dự án: Hoàn thiện các khu di tích ATK	10.000	10.000	10.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
			Nguồn vốn CĐNS	Nguồn vốn NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
5	Dự án: Tu bổ phục hồi các di tích cấp tỉnh	5.000	5.000	5.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
6	Dự án: Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt hồ Ba Bể	10.000	10.000	10.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
7	Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp huyện	45.000	45.000		45.000	UBND huyện Chợ Mới
8	Khu dân cư khu vực Bó Lìn, Bó Lục, Nà Lặng	11.000	11.000	11.000		UBND huyện Pác Nặm
VII	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	72.000	72.000	72.000	-	
1	Dự án: Hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở	13.000	13.000	13.000		Sở Thông tin và truyền thông
2	Dự án hoàn chỉnh hệ thống số hóa Truyền hình Bắc Kạn:	48.000	48.000	48.000		Đài phát thanh truyền hình
3	Dự án đầu tư mà hình Led phục vụ các chương trình truyền hình trực tiếp, các sự kiện lớn	2.000	2.000	2.000		Đài phát thanh truyền hình
4	Dự án đầu tư xe ô tô chuyên dụng (02 xe * 1,5 tỷ đồng)	3.000	3.000	3.000		Đài phát thanh truyền hình
5	Dự án cải tạo, sửa chữa nhà Trung tâm sản xuất chương trình, truyền dẫn phát sóng	2.000	2.000	2.000		Đài phát thanh truyền hình
6	Dự án xây dựng nhà công vụ Công an bảo vệ và phòng họp cơ quan	4.000	4.000	4.000		Đài phát thanh truyền hình
VIII	THỂ DỤC, THỂ THAO	53.000	53.000	53.000	-	
1	Dự án: Sửa chữa Nhà Thi đấu Thể dục Thể thao đa năng	2.000	2.000	2.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
2	Dự án: Nhà ở Huấn luyện viên, VĐV thành tích cao tỉnh Bắc Kạn	15.000	15.000	15.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
3	Dự án: Sửa chữa tổng thể Nhà Văn hóa tỉnh Bắc Kạn	6.000	6.000	6.000		Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
4	Sân vận động huyện Na Rì	30.000	30.000	30.000		UBND huyện Na Rì
IX	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	237.500	237.500	152.500	85.000	
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải 03 thôn Pác Ngòi, Bó Lù, Cốc Tộc, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	81.000	81.000	81.000		Sở Xây dựng
2	Dự án nâng cấp hệ thống quan trắc và phân tích môi trường	58.000	58.000	58.000		Sở Tài nguyên môi trường
3	Nâng cấp, sửa chữa khu xử lý rác thải huyện Ba Bể	3.000	3.000	3.000		UBND huyện Ba Bể
4	Công trình xử lý rác thải thị trấn Nà Phặc	4.500	4.500	4.500		UBND huyện Ngân Sơn
5	Xây dựng bãi xử lý rác thải sinh hoạt huyện Chợ Mới	85.000	85.000		85.000	UBND huyện Chợ Mới
6	Nhà máy xử lý nước thải trung tâm huyện Pác Nặm	6.000	6.000	6.000		UBND huyện Pác Nặm
X	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:	2.192.568	2.192.568	580.044	1.612.524	
1	Dự án cụm công trình thủy lợi huyện Bạch Thông	55.000	55.000	-	55.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
1	2	3	4	5	6	7
				Nguồn vốn CDNS	Nguồn vốn NSTW	
2	Kè chống sạt lở Sông Lèng, xã Quảng Khê, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn	15.000	15.000	15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh/Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
3	Dự án Xây dựng Trạm kiểm dịch liên ngành đầu mối giao thông trên tuyến Quốc lộ 3 mới Thái Nguyên-Chợ Mới (Thôn Đồng Luông, xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn)	30.000	30.000	30.000		Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
4	Cơ sở hạ tầng cho các hợp tác xã tỉnh Bắc Kạn	200.000	200.000	-	200.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
5	Xây dựng các Hạt, Trạm Kiểm lâm các huyện	24.000	24.000	24.000		Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
6	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa	60.000	60.000	-	60.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
7	Kè chống sạt lở Sông Lèng, xã Quảng Khê, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn	15.000	15.000	15.000		Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
8	Dự án đầu tư cụm công trình thủy lợi huyện Chợ Mới, Chợ Đồn	45.000	45.000	-	45.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
9	Dự án giao rừng giai đoạn 2021-2025	71.000	71.000	-	71.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
10	Kè bảo vệ bờ sông thuộc lưu vực Sông Cầu, tỉnh Bắc Kạn.	100.000	100.000	-	100.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
11	Dự án hỗ trợ phát triển giống cây lâm nghiệp đa mục đích, giống công nghệ cao	20.000	20.000	20.000		Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
12	Kè chắn sạt lở bờ sông Bắc Giang đoạn qua địa bàn thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.	40.000	40.000	-	40.000	UBND huyện Na Rì
13	Kè chống sạt lở qua suối thôn Bản Phát - Bản pá xã Thanh Mai	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Chợ Mới
14	Nâng cấp trạm bơm thôn Nặm Bó TT Đông Tâm	2.560	2.560	2.560		UBND huyện Chợ Mới
15	Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Bình Văn	3.060	3.060	3.060		UBND huyện Chợ Mới
16	Nâng cấp hồ chứa nước Thôm Sâu xã Cao Kỳ	5.060	5.060	5.060		UBND huyện Chợ Mới
17	Nâng cấp hồ chứa nước Khuổi Quang xã Như Cỏ	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Chợ Mới
18	Kè chống sạt bờ sông cầu tổ 1,2,6 thị trấn Đông Tâm	50.000	50.000	50.000		UBND huyện Chợ Mới
19	Kè chống sạt lở bờ sông cầu thôn Tổng Cỏ thị trấn Đông Tâm	25.000	25.000	25.000		UBND huyện Chợ Mới
20	Kè chống sạt lở bờ sông cầu thôn Nà Quang xã Nông Hạ	11.000	11.000	11.000		UBND huyện Chợ Mới
21	Cải tạo nâng cấp hồ chứa nước Thôm Bó xã Bình Văn	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Chợ Mới
22	Kè sông lèng đoạn Bản Pjạc - Hua Mạ, xã Quảng Khê	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Ba Bè
23	Kè chống sạt lở bờ sông Đon dài	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Ba Bè

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
				Nguồn vốn CĐNS	Nguồn vốn NSTW	
1	2	3	4	5	6	7
24	Kè chống sỏi lở sừ đồng Nà Quạng	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Pác Nặm
25	Kè chống sỏi lở xã Nghiên Loan	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Pác Nặm
26	Kè chống sỏi lở xứ đồng Nà Tổng	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Pác Nặm
27	Giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung	624.387	624.387	64.863	559.524	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
28	Kè chống sạt lở bờ sông Năng, huyện Ba Bè	152.000	152.000	-	152.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
29	Kè sông Cầu đoạn đi qua trung tâm huyện Chợ Mới	130.000	130.000	-	130.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
30	Kè chống xói lở khu dân cư Tiểu khu 2, Nà Pán, thị trấn Nà Phặc	55.000	55.000	55.000		UBND huyện Ngân Sơn
31	Kè chống xói lở đất nông nghiệp thôn Cốc Lài đến thôn Pù Mò, xã Bằng Vân	35.000	35.000	35.000		UBND huyện Ngân Sơn
32	Kè chắn sạt lở đất từ cầu Hát Deng đến khu dân cư Pàn Trâu, thị trấn Yên Lạc	70.000	70.000	70.000		UBND huyện Na Ri
33	Hồ chứa nước Khuổi Tráng, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.	200.000	200.000		200.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
34	Dự án phát triển trung tâm sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao	3.401	3.401	3.401		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
35	Kè chống xói lở cánh đồng Bản Lành, xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	1.500	1.500	1.500		UBND huyện Chợ Đồn
36	Kè chống xói lở cánh đồng Nà Phây, thôn Ùm Đon xã Yên Mỹ, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2.000	2.000	2.000		UBND huyện Chợ Đồn
37	Nhà làm việc BQL Vườn Quốc gia, hạt Kiểm lâm, Nhà bảo tàng, trung tâm thông tin, Nhà kho đa năng và các hạng mục cần thiết khác	57.600	57.600	57.600		BQL Vườn quốc gia Ba Bè
b	Giao thông	2.990.395	2.990.395	1.384.859	1.605.536	
1	Cải thiện các yếu tố kỹ thuật trên tuyến ĐT258B để chuyển thành QL3C	200.000	200.000	-	200.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
2	Khôi phục, cải tạo đường Quang Thuận - Mai Lạp	50.000	50.000	50.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
3	Đường Bản Đồn - Mai Hiên, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn	20.785	20.785	20.785		UBND thành phố Bắc Kạn
4	Nâng cấp, cải tạo đường Nà Bán - Nguyễn Văn Tố	60.076	60.076	60.076		UBND thành phố Bắc Kạn

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
1	2	3	4	5	6	7
				Nguồn vốn CDNS	Nguồn vốn NSTW	
5	Đường từ thôn Khuổi Chang xã Nông Thượng đến Tô Bàn phường Xuất Hóa	50.633	50.633	50.633		UBND thành phố Bắc Kạn
6	Cải tạo, nâng cấp Đường từ trụ sở xã Dương Quang đến cầu Nà Rào	13.200	13.200	13.200		UBND thành phố Bắc Kạn
7	Xây dựng đường Bản Áng-Bản Vèn	9.866	9.866	9.866		UBND thành phố Bắc Kạn
8	Xây dựng đường Nà Vịt-Nà Chuông	76.348	76.348	76.348		UBND thành phố Bắc Kạn
9	Đường Đội Kỳ-Đường Thanh Niên (Đoạn Trường THPT Bắc Kạn)	14.994	14.994	14.994		UBND thành phố Bắc Kạn
10	Xây dựng Cầu Khuổi Pái – Phiêng My	45.512	45.512	45.512		UBND thành phố Bắc Kạn
11	Cải tạo, nâng cấp Đường từ trụ sở xã Dương Quang đến cầu Nà Rào	50.633	50.633	50.633		UBND thành phố Bắc Kạn
12	Đường vành đai hồ Nặm Cát	455.536	455.536		455.536	UBND thành phố Bắc Kạn
13	Đường Từ Nà Mây đến Nà cườm	60.076	60.076	60.076		UBND thành phố Bắc Kạn
14	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè, mặt đường, đường Trường Chinh thành phố Bắc Kạn	13.463	13.463	13.463		UBND thành phố Bắc Kạn
15	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè, mặt đường đường Hùng Vương, thành phố Bắc Kạn	5.949	5.949	5.949		UBND thành phố Bắc Kạn
16	Trục đường vành đai từ Thôn Phục xã Sơn Thành - Bàn Pò, thị trấn Yên Lạc - Đầu nối vào tuyến đường qua Tòa án nhân dân huyện Na Rì	60.000	60.000	60.000		UBND huyện Na Rì
17	Cải tạo, nâng cấp đường Lạng Sơn - Văn Học, huyện Na Rì	18.000	18.000	18.000		UBND huyện Na Rì
18	Cầu Cung 5 xã Hữu Thác, huyện Na Rì	30.000	30.000	30.000		UBND huyện Na Rì
19	Đường 254B (Quốc lộ 3B mới) đi Bàn Pèo - Khuổi Vạng sang Trung Minh (Tuyên Quang)	20.000	20.000	20.000		UBND huyện Chợ Đồn
20	Đường GTNT Nà Lùng – Bản Diều	6.000	6.000	6.000		UBND huyện Chợ Đồn
21	Đường bê tông từ cầu treo Leo Cù - Di tích nhà tám mái nối Bàn Ca xã Bình Trung	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Chợ Đồn
22	Đường Bản Bằng - Kéo Vạt sang Yên Sơn (Tuyên Quang)	20.000	20.000	20.000		UBND huyện Chợ Đồn
23	Tuyến đường từ cầu trần Bản Cậ (Yên Thịnh) đi Bàn Thi - Quảng Bạch	25.000	25.000	25.000		UBND huyện Chợ Đồn
24	Mở đường tránh phía Đông Nam từ địa phận cầu Nặm Càng xuống Bản Duồng nối Đường Bằng Lũng đi Đại Sào	20.000	20.000	20.000		UBND huyện Chợ Đồn
25	Tuyến đường QL3c - Lương Bằng - Tuyên Quang	5.000	5.000	5.000		UBND huyện Chợ Đồn

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
		Nguồn vốn CĐNS		Nguồn vốn NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
26	Mở mới tuyến đường Bằng Phúc - Tân Lập - Quốc lộ 3C, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	50.000	50.000	50.000		UBND huyện Chợ Đồn
27	Tuyến đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	5.000	5.000	5.000		UBND huyện Chợ Đồn
28	Xây dựng Đường Nội thị trấn Đồng Tâm theo Quy hoạch	150.000	150.000	-	150.000	UBND huyện Chợ Mới
29	Nâng cấp đường Nông Hạ - Khe Thi xã Nông Hạ	54.000	54.000	54.000	-	UBND huyện Chợ Mới
30	Xây dựng Mới cầu treo Tổng Cổ - Tổ 1 Thị trấn Đồng Tâm	8.200	8.200	8.200		UBND huyện Chợ Mới
31	Đổ bê tông nối tiếp đường liên xã Như Cổ - Quảng Chu	5.500	5.500	5.500		UBND huyện Chợ Mới
32	Sửa chữa, nâng cấp đường liên xã Thị trấn Đồng Tâm - Xã Quảng Chu	5.100	5.100	5.100		UBND huyện Chợ Mới
33	Cải tạo sửa chữa đường giao thông liên xã Nông Hạ - Yên Hân	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Chợ Mới
34	Đường Nà Khon - Bản Tềng thị trấn Đồng Tâm	4.525	4.525	4.525		UBND huyện Chợ Mới
35	Đường giao thôn liên thôn Bản Cháo - Thái Lạo xã Yên Cư	4.050	4.050	4.050		UBND huyện Chợ Mới
36	Sửa chữa đường Thác Riêng đi xã Tân Sơn	3.050	3.050	3.050		UBND huyện Chợ Mới
37	Đường giao thông Bản Mại thôn Nà Nguộc xã Cao Kỳ	3.100	3.100	3.100		UBND huyện Chợ Mới
38	Khắc phục, sửa chữa 02 tuyến đường Hòa Mục - Thanh Vận và tuyến đường Cao Kỳ - Thanh Vận	6.500	6.500	6.500		UBND huyện Chợ Mới
39	Nâng cấp đường liên xã Yên Cư - Cao kỳ	110.000	110.000	-	110.000	UBND huyện Chợ Mới
40	Xây dựng cầu cứng bắc qua sông Cầu, xã Nông Hạ	50.000	50.000	50.000		UBND huyện Chợ Mới
41	Xây dựng đường giao thông để thu hút đầu tư tại thôn Khuổi Chanh, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông	13.000	13.000	13.000		Sở Giao thông vận tải
42	Đường tránh phía tây thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	35.000	35.000	35.000		UBND huyện Bạch Thông
43	Cầu Tà Nghè, thị trấn Chợ Rã	13.000	13.000	13.000		UBND huyện Ba Bể
44	Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường từ trụ sở UBND xã - Nà Slác, xã Vân Tùng	12.000	12.000	12.000		UBND huyện Ngân Sơn
45	Dự án: Đường quanh Hồ Bản Chang	7.500	7.500	7.500		UBND huyện Ngân Sơn
46	Dự án: Đường Bản Duồm - Phía Páng	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Ngân Sơn
47	Dự án: Đường Nà Nội (Nà Phặc) - Nà Kéo (Thượng Quan)	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ngân Sơn

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
				Nguồn vốn CBNS	Nguồn vốn NSTW	
1	2	3	4	5	6	7
48	Dự án: Đường Khuổi Khương - Khuổi Đăm	9.000	9.000	9.000		UBND huyện Ngân Sơn
49	Dự án: Đường từ khu di tích Coong Tát - Nà Còi	6.000	6.000	6.000		UBND huyện Ngân Sơn
50	Dự án: Đường từ Bản Quán - Khuổi Lù - Slam Kha	5.500	5.500	5.500		UBND huyện Ngân Sơn
51	Dự án: Đường Bản Sù - Khuổi Sluong	6.000	6.000	6.000		UBND huyện Ngân Sơn
52	Dự án: Đường liên thôn từ Bản Hòa đi Càng Cào	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Ngân Sơn
53	Dự án: Đường liên thôn từ QL 279 đi Khuổi Khoang	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Ngân Sơn
54	Cải tạo, nâng cấp đường, cầu Hồ Bản Chang, xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	27.000	27.000	27.000		UBND huyện Ngân Sơn
55	Đường vào khu công nghiệp Pù Pét, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn	13.000	13.000	13.000		UBND huyện Ngân Sơn
56	Nâng cấp, mở rộng đường từ trụ sở UBND xã - Nà Slác, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ngân Sơn
57	Mở mới tuyến đường Cốc Đán - Trung Hòa	110.000	110.000	-	110.000	UBND huyện Ngân Sơn
58	Mở mới tuyến đường từ xã Thượng Quan (huyện Ngân Sơn) - xã Vũ Loan (huyện Na Ri)	580.000	580.000	-	580.000	UBND huyện Ngân Sơn
59	Nâng cấp đường Bộc Bó - Nhận Môn (đoạn trung tâm đô thị)	40.000	40.000	40.000		UBND huyện Pác Nặm
60	Nâng cấp hệ thống đường giao thông khu vực trung tâm đô thị đường 27m kéo dài về phía Bắc và Phía Nam	30.000	30.000	30.000		UBND huyện Pác Nặm
61	Nâng cấp đường Nà Slia - Mạ Khao	8.000	8.000	8.000		UBND huyện Pác Nặm
62	Nâng cấp đường Nà Vài- Nặm Sam	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Pác Nặm
63	Nâng cấp đường liên xã Cỏ Linh - Nghiên Loan	12.000	12.000	12.000		UBND huyện Pác Nặm
64	Nâng cấp Đường Nà Cà - Cốc Nghè	14.000	14.000	14.000		UBND huyện Pác Nặm
65	Nâng cấp + Mở mới đường Khuổi Linh- Khuổi Luông	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Pác Nặm
66	Nâng cấp đường Nà Vài - Lũng Mít - Phja Đăm xã Bằng Thành	12.000	12.000	12.000		UBND huyện Pác Nặm
67	Nâng cấp đường Vi Lạp- Ngâm Vàng - Nặm Khiếu	14.500	14.500	14.500		UBND huyện Pác Nặm
68	Đường Ca Trần - Khuổi Xóm - Cốc Muối xã An Thắng	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Pác Nặm
69	Xây dựng mới hệ thống đường giao thông khu vực trung tâm đô thị theo quy hoạch về phía Đông và Bắc	45.000	45.000	45.000		UBND huyện Pác Nặm
70	Đường Công Bằng - Thượng Giáp Na Hang (huyện Na Hang - tỉnh Tuyên Quang)	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Pác Nặm
71	Nâng cấp đường Ngâm Vàng - Slam Về xã Nhận Môn	13.000	13.000	13.000		UBND huyện Pác Nặm

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
			Nguồn vốn CDNS	Nguồn vốn NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
72	Đường Lũng Mít- Khuổi Sám	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Pác Nặm
73	Đường Nà Lại - Nà Cà	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Pác Nặm
74	Đường Nặm Đăm - Bó Khiếu	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Pác Nặm
75	Đường Nhà Đa - Lũng Vài	6.000	6.000	6.000		UBND huyện Pác Nặm
76	Đường Lũng Vài - Mù Là	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Pác Nặm
77	Đường Cốc Lài - Ta Đào	7.000	7.000	7.000		UBND huyện Pác Nặm
78	Đường Lũng Pạp - Tọt Cồn (xã Cao Thượng, huyện Ba Bể)	9.000	9.000	9.000		UBND huyện Pác Nặm
79	Nâng cấp đường giao thông khu vực trung tâm đô thị đoạn từ Hạ tầng khu dân cư đến đường lên trường Tiểu học Bộc Bó	7.800	7.800	7.800		UBND huyện Pác Nặm
c	Công nghiệp	337.627	337.627	37.627	300.000	
1	Cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Bắc Kạn	37.627	37.627	37.627	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	300.000	300.000	-	300.000	Sở Công thương
d	Cấp nước, thoát nước	15.000	15.000	15.000	-	
1	Hệ thống thoát nước thị trấn Chợ Rã	15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ba Bể
e	Thương mại	6.000	6.000	6.000	-	
1	Chợ xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	6.000	6.000	6.000		UBND huyện Ba Bể
f	Du lịch	50.000	50.000	50.000	-	
1	Dự án đầu tư hệ thống hạ tầng phục vụ chuỗi du lịch cộng đồng	50.000	50.000	50.000		UBND huyện Na Rì
g	Công nghệ thông tin	180.000	16.000	16.000	-	
1	Dự án Hoàn thiện, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Kạn	180.000	16.000	16.000		Sở Thông tin và truyền thông
h	Quy hoạch	1.050	1.050	1.050	-	
1	Điều chỉnh quy hoạch chia lô, phân khu chức năng cục bộ phân ngành công nghiệp Thanh Bình GĐI và Khu tái định cư và Dịch vụ công cộng KCN Thanh bình GĐI	1.050	1.050	1.050		Ban Quản lý các Khu công nghiệp
i	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới	71.916	71.916	71.916	-	
1	Di chuyển cột Ăng ten Đài truyền hình; San ủi mặt bằng khu đồi Đài truyền hình để xây dựng khu dân cư chia lô và san lấp mặt bằng mở rộng khu dân cư Chợ cũ	50.000	50.000	50.000		UBND huyện Na Rì

STT	Danh mục dự án đề nghị khởi công mới trong kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đề xuất của các đơn vị, địa phương				Đơn vị đăng ký
		TMĐT dự kiến	Đề xuất kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			
			Tổng số	Trong đó:		
		Nguồn vốn CĐNS		Nguồn vốn NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
2	Thay thế thiết bị điện chiếu sáng bằng đèn Led (giai đoạn I)	12.626	12.626	12.626		UBND thành phố Bắc Kạn
3	Thay thế thiết bị chiếu sáng bằng đèn Led (giai đoạn II)	9.290	9.290	9.290		UBND thành phố Bắc Kạn
XI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	40.600	40.600	40.600		
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa nhà hội trường Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	1.600	1.600	1.600		Sở y tế
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	5.000	5.000	5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Xây mới nhà làm việc VPĐK đất đai tỉnh; diện tích 300m ² x 2 tầng	3.000	3.000	3.000		Sở Tài nguyên môi trường
4	San lấp giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng nhà làm việc 8 chi nhánh	12.000	12.000	12.000		Sở Tài nguyên môi trường
5	Đầu tư xây dựng nhà làm việc 8 chi nhánh 200m ² x 500.000.000đ/ chi nhánh	4.000	4.000	4.000		Sở Tài nguyên môi trường
6	Trụ Sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Yên Lạc, huyện Na Ri	10.000	10.000	10.000		UBND huyện Na Ri
7	Xây dựng Trụ sở Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Kạn	5.000	5.000	5.000		Sở Thông tin và truyền thông
XI	XÃ HỘI	20.000	20.000	20.000		
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II	15.000	15.000	15.000		Sở Lao động, thương binh và xã hội
2	Nhà hội trường Trung tâm Điều dưỡng người có công	5.000	5.000	5.000		Sở Lao động, thương binh và xã hội